

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm Quyết định số 37B/QĐ-ĐV ngày 19 tháng 9 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Trung cấp Đại Việt TP Hồ Chí Minh)*

- Tên ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Mã ngành : 5580202
- Trình độ đào tạo : Trung cấp chuyên nghiệp
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia tham gia dự tuyển, xét tuyển vào trường Trung Cấp Đại Việt Tp. Hồ Chí Minh theo qui định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường
- Thời gian đào tạo : 2 năm (4 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng dân dụng và công nghiệp trình độ trung cấp là ngành, nghề chuyên về lĩnh vực xây dựng và phải có kiến thức, kỹ năng thực

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về dự toán, vẽ kỹ thuật, cấu tạo và thi công công trình xây dựng.

- Áp dụng những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để tính dự toán, thiết kế các bản vẽ kỹ thuật và tính kết cấu cho công trình.

1.2.2. Về kỹ năng

- Triển khai thiết kế các công trình dân dụng có quy mô vừa và nhỏ.
- Tổ chức chỉ đạo và thi công các công trình xây dựng.
- Chỉ đạo toàn bộ công tác kỹ thuật từ khâu chuẩn bị xây dựng, xây dựng nghiệm thu bàn giao và bảo hành sau xây dựng đối với từng hạng mục công trình, các công trình quy mô nhỏ.
- Sử dụng được các thiết bị định hình để thiết kế công trình có quy mô nhỏ.
- Điều hành mọi công việc trong tổ theo cơ chế mới hạch toán kinh doanh.

1.2.3. Về năng lực Mức độ tự chủ và trách nhiệm



- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Có khả năng giải quyết công việc trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Thiết kế bản vẽ;
- Tạo hình, trang trí sản phẩm;
- Gia công nhà cửa;;
- Phân loại, hoàn thiện và đóng gói sản phẩm;
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề xây dựng dân dụng và công nghiệp trình độ trung cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau khi tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học	: 24 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 60 ĐVHT
- Khối lượng các môn học chung/đại cương	: 180 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn	: 1538 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 319 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập	: 1363 giờ
- Giờ kiểm tra	: 66 giờ

3. Nội dung chương trình:

S TT	Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyế t	TH/TT /TN/BT /TL	Kiểm tra
I. Các môn học chung							
1	MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	MH02	Pháp luật đại cương	1	15	9	5	1
3	MH03	Tiếng Anh căn bản	4	90	30	56	4
4	MH04	Tin học đại cương	2	45	15	29	1
5	MH05	Giáo dục Thể chất		30	4	24	2
6	MH06	Giáo dục Quốc phòng An ninh		45	21	21	3
Tổng cộng			9	180	69	103	8
II. Các môn học cơ sở ngành							
6	MH06	Vẽ xây dựng	3	75	15	55	5
7	MH07	Cơ xây dựng	3	75	15	55	5
8	MH08	Trắc địa	2	45	13	30	2
9	MH09	Vật liệu xây dựng	2	45	13	30	2
10	MH10	Điện kỹ thuật	2	45	13	30	2
Tổng cộng			12	285	69	200	16
III. Các môn học chuyên ngành							
11	MH11	Máy xây dựng	2	30	28	0	2
12	MH11	Cấp thoát nước công trình	2	15	15	28	2
13	MH13	Cấu tạo kiến trúc	3	75	15	55	5
14	MH14	Thiết kế kiến trúc	2	45	15	28	2
15	MH15	Kết cấu xây dựng	3	75	15	57	3
16	MH16	Kỹ thuật thi công	3	75	15	57	3
17	MH17	Tổ chức thi công	3	75	15	57	3
18	MH18	Dự toán xây dựng công trình	2	45	14	29	2
19	MH19	An toàn lao động	2	30	20	9	1
20	MH20	Quản lý xây dựng	2	30	29	0	1
21	MH21	Thực tập cơ bản về nề, mộc, cốppha, cốt thép, và máy xây dựng	4	188	0	180	8
22	MH22	Thực tập thiết kế	3	135	0	130	5
23	MH23	Thực tập kỹ thuật viên kiến trúc	3	135	0	130	5
24	MH24	Thực tập tốt nghiệp	5	300	0	300	0
Tổng			39	1253	181	1060	42

Tổng cộng		60	1718	319	1363	66
IV. Thi tốt nghiệp						
TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	Ghi chú		
1	Chính trị	Viết	120 phút			
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	120 phút			
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Từ 20-30 phút/HS			

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút

- 1 tiết học thực hành/tích hợp = 60 phút

- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

- 1 tín chỉ thực hành

(tại phòng thực hành, thảo luận ,...) = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/ học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH về việc Quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi xét, công nhận tốt nghiệp của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực được do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm

tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* Cách tính điểm TBC kiểm tra: trọng số 0,5. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: hệ số 2

$$\Rightarrow \text{Điểm TBC kiểm tra} = (\text{Điểm KT thường xuyên} \times 1) + (\text{Điểm KT định kỳ} \times 2)/3$$

*** Điểm thi kết thúc môn học:** Trọng số 0,5

4.4. Hướng dẫn làm thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp và tích lũy đủ số đơn vị học trình trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Kỹ thuật công nghệ có trách nhiệm tổ chức cho học sinh thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình đào tạo của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lương Kim Anh



**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: **XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

Mã ngành: 5580202



